

Pháp luật về tín dụng cho phát triển kinh tế xanh trong mối tương quan với yêu cầu bảo đảm phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay

21:14 20/06/2026

(Pháp lý). Bài viết tập trung làm rõ nội hàm khái niệm kinh tế xanh và tín dụng cho chuyển đổi, phát triển kinh tế xanh.

Tóm tắt: Kết quả nghiên cứu cho thấy, thị trường tài chính Việt Nam đang vận hành theo hướng có sự lệ thuộc vào nguồn vốn tín dụng, nghĩa là hệ thống ngân hàng đóng vai trò then chốt trong cung ứng nguồn vốn cho các hoạt động kinh tế, trong đó có sản xuất, tiêu dùng xanh. Khuôn khổ pháp luật điều chỉnh quan hệ pháp luật về cấp tín dụng chưa đề cập đến nội dung “xanh” trong các quy định pháp luật. Trong tương lai, vấn đề “xanh” trong pháp luật về cấp tín dụng cần phải được tiếp tục cụ thể hóa vào từng nghiệp vụ cấp tín dụng, đồng thời cũng cần thúc đẩy nguồn tài chính đa dạng cho nhu cầu tài chính cho phát triển kinh tế xanh, bên cạnh nguồn vốn tín dụng.

Từ khóa: tín dụng, kinh tế xanh, phát triển bền vững, pháp luật

LAW ON CREDIT FOR GREEN ECONOMIC DEVELOPMENT IN RELATION TO THE REQUIREMENT OF ENSURING SUSTAINABLE DEVELOPMENT IN VIETNAM TODAY

Abstract: This paper elucidates the conceptual connotations of the green economy and credit for green economic transformation and development. Research findings indicate that the Vietnamese financial market operates with a significant dependence on credit capital, positioning the banking system as the pivotal provider of funding for economic activities, including green production and consumption. However, the current legal framework governing credit extension has yet to incorporate "green" substantive provisions into its regulations. Looking forward, the "green" dimension within credit law must be further integrated into specific credit operations. Furthermore, there is an imperative to promote diversified financial sources to satisfy the funding requirements for green economic development, supplementing traditional credit capital.

Keywords: Credit, green economy, sustainable development, law.

1. Đặt vấn đề

Trong quá trình phát triển nền kinh tế quốc gia, nguồn vốn tín dụng được coi là “huyết mạch” và có ý nghĩa vô cùng quan trọng, không thể thiếu. Thông qua hoạt động cấp tín dụng, nguồn vốn tín dụng đi vào các hoạt động đầu tư, sản xuất kinh

doanh và phục vụ cho các nhu cầu tiêu dùng của người dân. Trong kinh tế học tiền tệ, thuật ngữ tín dụng thường dùng để chỉ các loại hình cho vay đem lại hiệu quả tiền tệ như làm tăng việc cung cấp tiền tệ sẽ dẫn tới việc tăng tiền gửi của ngân hàng hay làm tăng các hình thức thay thế tiền tệ như tín dụng thương mại^[1]. Về bản chất, tín dụng là việc chuyển giao vốn dựa trên cơ sở tín nhiệm và theo nguyên tắc hoàn trả, theo đó, người cho vay chuyển giao cho quyền sử dụng một lượng tài sản cho người vay trong một thời hạn nhất định^[2]. Xét về bản chất tín dụng thì tín dụng xanh không có sự khác biệt nhiều so với tín dụng thông thường. Về mặt kỹ thuật khi xem xét thẩm định đề ra quyết định cấp tín dụng theo tiêu chí xanh, tổ chức tín dụng phải xây dựng được hệ thống tiêu chí nhận diện và xác định rủi ro về môi trường của dự án đầu tư, nghĩa là phải xây dựng bộ tiêu chí nhận diện *“khả năng xảy ra những tác động xấu tới môi trường trong quá trình thực hiện dự án đầu tư dẫn đến làm phát sinh thêm chi phí, giảm thu nhập hoặc gây tổn thất về vốn, tài sản của khách hàng là chủ dự án đầu tư”*^[3]. Tín dụng xanh là một bộ phận cấu thành của nguồn tài chính phục vụ cho tăng trưởng xanh và trở thành chủ đề được quan tâm đến và được luận giải trong quá trình chuyển đổi từ mô hình tăng trưởng “nâu” sang tăng trưởng xanh, đặc biệt là ở các nước đang phát triển, có sự phụ thuộc lớn vào khai thác tài nguyên và nguồn nguyên liệu hóa thạch. Như thế cũng có nghĩa, tín dụng xanh có mối quan hệ chặt chẽ với mục tiêu quốc gia về tăng trưởng xanh cũng như xu hướng chuyển đổi sang nền kinh tế xanh theo tiêu chí phát triển bền vững.

2. Kinh tế xanh trong mối quan hệ với phát triển bền vững

2.1. Kinh tế xanh

Nền kinh tế là hai thành tố gắn bó hữu cơ trong một hệ thống thống nhất. Theo đó, việc nghiên cứu kinh tế xanh đòi hỏi cách tiếp cận tích hợp để nhận diện đầy đủ bản chất và các yếu tố cấu thành của mô hình phát triển này.

Từ góc độ chính sách và pháp luật, Boehnert nhấn mạnh vai trò của việc bảo đảm tính minh bạch và trách nhiệm giải trình đối với các tuyên bố “xanh”,^[4] qua đó hỗ trợ các nhà hoạch định chính sách và cộng đồng giám sát hiệu quả các dự án phát triển. Viên Thế Giang cho rằng kinh tế xanh hướng tới giảm thiểu tác động tiêu cực của các hoạt động kinh tế đối với môi trường thông qua đổi mới công nghệ, phát triển năng lượng tái tạo, thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng xanh, đồng thời cần có sự hỗ trợ của Nhà nước thông qua các chính sách và nguồn lực đầu tư phù hợp.^[5]

Mặc dù còn tồn tại nhiều quan niệm khác nhau, chuyển đổi và phát triển kinh tế theo tiêu chí tăng trưởng xanh hiện được xem là xu hướng tất yếu của thế giới nhằm thay thế mô hình tăng trưởng dựa chủ yếu vào năng lượng hóa thạch. Tăng trưởng xanh không thay thế phát triển bền vững mà được xem là phương thức quan trọng để đạt được mục tiêu đó. Thông qua việc sử dụng hiệu quả tài nguyên, phát triển kinh tế tuần hoàn, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số, tăng trưởng xanh góp phần thúc đẩy tái cơ cấu nền kinh tế, bảo vệ môi trường, ứng phó

với biến đổi khí hậu và nâng cao chất lượng cuộc sống. Vì vậy, chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng xanh được coi là một trong những nội dung trọng tâm của chiến lược phát triển bền vững hiện nay.

2.2. Phát triển bền vững

Mặc dù đã trở thành một khái niệm phổ biến trong diễn ngôn phát triển hiện đại, phát triển bền vững vẫn là nội dung được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau. Thuật ngữ này được giới thiệu lần đầu bởi Hiệp hội Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên Thiên nhiên Quốc tế (IUCN), nhấn mạnh rằng phát triển không chỉ hướng tới tăng trưởng kinh tế mà còn phải đáp ứng các nhu cầu xã hội và bảo vệ môi trường. Sau đó, Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển (WCED) định nghĩa phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai. Quan niệm này được thừa nhận rộng rãi và tái khẳng định tại Hội nghị Rio năm 1992,^[6] trở thành nền tảng cho các mục tiêu phát triển bền vững trên phạm vi toàn cầu.

Phát triển bền vững được thể hiện trên ba phương diện cơ bản. Thứ nhất, phát triển bền vững về kinh tế đòi hỏi sử dụng hiệu quả tài nguyên, thúc đẩy công nghệ sạch, giảm tiêu hao năng lượng và hướng tới các mô hình sản xuất, tiêu dùng thân thiện với môi trường. Nội dung này có mối liên hệ chặt chẽ với tăng trưởng và kinh tế xanh.^[7] Thứ hai, phát triển bền vững về xã hội hướng tới nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm công bằng xã hội, bình đẳng giới, tiếp cận giáo dục, y tế, phúc lợi xã hội và tăng cường sự tham gia của người dân vào quá trình phát triển.^[8] Thứ ba, phát triển bền vững về môi trường yêu cầu khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học, kiểm soát ô nhiễm, giảm phát thải khí nhà kính và duy trì cân bằng sinh thái nhằm bảo đảm chất lượng môi trường sống cho hiện tại và tương lai.

Như vậy, phát triển bền vững là quá trình phát triển hài hòa giữa kinh tế, xã hội và môi trường, bảo đảm đáp ứng nhu cầu của thế hệ hiện tại đồng thời duy trì các điều kiện phát triển cho các thế hệ tương lai.

3. Bất cập trong các quy định pháp luật về cấp tín dụng cho chuyển đổi, phát triển kinh tế xanh theo tiêu chí phát triển bền vững

Từ quan hệ giữa kinh tế xanh và phát triển bền vững được phân tích ở trên cho thấy, kinh tế xanh và phát triển bền vững là các nền tảng lý luận quan trọng cho việc nhận diện yếu tố “xanh” trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng, không chỉ là “ngân hàng xanh” trong tổ chức, vận hành mà còn cung ứng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng xanh. Các quan điểm phổ biến về tăng trưởng xanh, phát triển bền vững là điểm xuất phát quan trọng để xây dựng cơ sở lý luận nền tảng cho tín dụng xanh. Có một thực tế là các phân tích về khía cạnh tăng trưởng xanh, phát triển bền vững được phân tích, đánh giá, tiếp cận ở khía cạnh kinh tế nhiều hơn là ở khía cạnh pháp lý. Các kết quả nghiên cứu này, dù được tiếp cận, luận giải nhiều ở khía cạnh kinh tế, nhưng cũng là cơ sở lý luận quan trọng giúp nghiên

cứu sinh xây dựng và nhận diện yếu tố “xanh” trong hoạt động cấp tín dụng ở khía cạnh pháp lý. Thực tiễn cho thấy phát triển tín dụng xanh có mối quan hệ chặt chẽ với bảo đảm sự bền vững của hệ thống tài chính, bởi lẽ bảo đảm sự bền vững của hệ thống tài chính trong phát triển tín dụng xanh phụ thuộc vào hệ thống các chính sách, các sáng kiến trong việc giải quyết những khó khăn trong phát triển và các quy định pháp luật có liên quan. Tác giả Alex Nicholls đã trình bày tám đòn bẩy chính sách mà các chương trình nghị sự chính sách tài chính bền vững có thể được ban hành trong thực tế: đầu tư trực tiếp (nợ và vốn chủ sở hữu); tài trợ; đầu tư gián tiếp (bao gồm vốn chủ sở hữu bán phần và vốn xúc tác); luật pháp; chính sách tài khóa, quy định; ủy thác; và hợp đồng dựa trên kết quả (bao gồm trái phiếu tác động). Mỗi đòn bẩy chính sách được minh họa bằng các ví dụ từ thực tiễn về các sáng kiến quốc gia và xuyên quốc gia cũng như các chính sách tài chính xanh và xã hội đặc biệt^[9]. Chính sách tín dụng xanh là một cách hiệu quả để thực hiện mục tiêu “xuất sắc về môi trường” và hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện đổi mới xanh một cách hiệu quả. Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc thực hiện chính sách tín dụng xanh thúc đẩy đổi mới xanh ở các công ty gây ô nhiễm nặng; có thể thúc đẩy đổi mới và chuyển đổi của công ty, đồng thời thúc đẩy đổi mới xanh của công ty bằng cách thu hẹp không gian tài trợ cho các công ty gây ô nhiễm nặng; thúc đẩy được các công ty gây ô nhiễm nặng chuyển đổi và nâng cấp năng lực đổi mới xanh. Tuy nhiên, tác động thúc đẩy của chính sách tín dụng xanh đối với đổi mới xanh của doanh nghiệp không giống nhau. Cụ thể, chính sách tín dụng xanh có ý nghĩa hơn đối với các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp quy mô lớn, nhưng đối với các doanh nghiệp ngoài nhà nước và doanh nghiệp quy mô nhỏ thì tác động không nhiều^[10]. Tuy nhiên, các quốc gia, tùy thuộc vào mức độ phát triển của nền kinh tế, mức độ xanh hóa nền kinh tế cũng như sự phát triển của thị trường tài chính, sẽ có hướng tiếp cận khác nhau trong huy động nguồn tài chính cho phát triển kinh tế xanh. Tín dụng xanh và trái phiếu xanh, trên phạm vi toàn cầu đã trở thành hai nguồn tài chính lớn nhất, có vai trò quyết định cho đầu tư xanh, bảo vệ môi trường và chống biến đổi khí hậu và sẽ tiếp tục gia tăng mạnh mẽ trong thời gian tới để đáp ứng nhu cầu tài chính xanh to lớn cho mục tiêu đạt phát thải ròng bằng 0 vào giữa thế kỷ 21, đang được áp dụng rộng rãi và trở thành xu hướng phổ biến trên thị trường tài chính quốc tế nhằm hướng đến mục tiêu “kép” là tăng trưởng kinh tế gắn liền với bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững^[11]. Đối với các tổ chức tín dụng, phát triển bền vững cũng đã được đặt ra. Phát triển bền vững của tổ chức tín dụng được thể hiện ở cả bên trong và bên ngoài. Phát triển bền vững bên trong được thể hiện ở năng lực tài chính lành mạnh, hiệu quả, tổ chức và hoạt động theo tiêu chí ngân hàng xanh. Bền vững trong mối quan hệ với bên ngoài được thể hiện ở việc tổ chức tín dụng xây dựng và triển khai chính sách phát triển sản phẩm nhằm cải thiện môi trường như khuyến khích, hỗ trợ các công ty, dự án đầu tư có trách nhiệm với môi trường và xã hội nhằm góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững; mang lại lợi ích cho các bên liên quan và mở rộng cho cả cộng đồng, nghĩa là hoạt động của ngân hàng bền vững không chỉ đem lại lợi ích cho các cổ đông mà còn cho các bên liên quan khác như khách hàng, cơ quan quản lý, nhân viên, nhà cung ứng và rộng hơn là đem lại lợi ích cho cả cộng đồng^[12]. Ngoài ra, phát triển hệ thống ngân hàng xanh

cũng được xem là yêu cầu cần thiết để đạt được mục tiêu phát triển bền vững. Ngân hàng xanh là thuật ngữ dùng để chỉ những ngân hàng có các hoạt động cắt giảm lượng khí thải carbon, giảm sử dụng giấy hay phân loại rác bảo vệ môi trường trong chính trụ sở của mình. Trong mối quan hệ với bên ngoài, ngân hàng xanh cũng được sử dụng cho các ngân hàng có tài trợ cho các dự án hướng đến mục tiêu môi trường và phát triển bền vững. Như vậy, ngân hàng xanh bao gồm tất cả các yếu tố kinh tế, xã hội và môi trường trong hoạt động của ngân hàng và đồng thời ngân hàng xanh giúp chuyển đổi hình ảnh ngân hàng từ mục tiêu “lợi nhuận” duy nhất sang mục tiêu “lợi nhuận đi kèm trách nhiệm”. Ý thức được tầm quan trọng của phát triển ngân hàng xanh, hầu hết các quốc gia phát triển đã thiết lập các quy định cụ thể và bắt buộc để hướng nguồn tài chính từ cả khu vực công và tư nhân đến các sản phẩm xanh, tạo điều kiện cho các tổ chức tài chính trong nước mở rộng quy mô đầu tư xanh, nhưng cách tiếp cận và chính sách can thiệp ngân hàng xanh có xu hướng khác nhau giữa các nước phát triển và đang phát triển^[13].

Để nguồn vốn tín dụng đến được các dự án xanh, pháp luật Việt Nam đã có những quy định cho hoạt động cấp tín dụng. Tuy nhiên:

Thứ nhất, tiêu chí xanh chưa được đề cập đến trong khuôn khổ pháp luật điều chỉnh hoạt động cấp tín dụng. Cụ thể chỉ có pháp luật về cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng hiện hành chưa có quy định về hoạt động cho vay đối với dự án đầu tư, kinh doanh đáp ứng yêu cầu của tăng trưởng xanh mà chỉ quy định một nguyên tắc cho vay là “*Hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng được thực hiện theo thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng và khách hàng, phù hợp với quy định tại Thông tư về cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và các quy định của pháp luật có liên quan bao gồm cả pháp luật về bảo vệ môi trường*”^[14] nên có thể suy luận, tổ chức tín dụng có thể cho bất kỳ khách hàng nào có nhu cầu vay vốn nếu không rơi vào những nhu cầu vốn không được cho vay. Mặt khác, khái niệm “pháp luật về bảo vệ môi trường” cũng rất rộng, vì Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định về hoạt động bảo vệ môi trường; chính sách, biện pháp và nguồn lực để bảo vệ môi trường; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trong bảo vệ môi trường.^[15] Việc không quy định về tiêu chí “xanh” trong pháp luật về cấp tín dụng hiện hành sẽ dẫn tới hệ quả là tổ chức tín dụng có thể nói không đối với các dự án đầu tư kinh doanh đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xanh. Bởi lẽ, các dự án đầu tư kinh doanh theo yêu cầu tăng trưởng xanh đòi hỏi vốn đầu tư lớn, thời gian thu hồi vốn chậm, hàm lượng khoa học công nghệ trong sản phẩm kinh tế xanh cao hơn... Do vậy, trong thực tiễn kinh doanh, các tổ chức tín dụng vẫn chú trọng vào việc tìm kiếm dự án đầu tư kinh doanh có thời gian quay vòng vốn nhanh, khả năng thu hồi vốn được bảo đảm.

Thứ hai, pháp luật cấp tín dụng hiện hành chưa có quy định về sản phẩm tín dụng cho tăng trưởng xanh

Tăng trưởng tín dụng xanh mới chỉ dừng lại ở các biện pháp mang tính khuyến

ngợi chủ động triển khai xây dựng chương trình, chính sách tín dụng xanh nhằm tăng dần tỷ trọng tín dụng xanh trong cơ cấu danh mục đầu tư tín dụng của tổ chức tín dụng như: i) Xây dựng và triển khai thực hiện các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh nhằm khuyến khích hoạt động kinh doanh thân thiện với môi trường và xã hội; nghiên cứu và phát triển sản phẩm tín dụng xanh, triển khai các chương trình tín dụng có các chính sách khuyến khích đối với các dự án, phương án sản xuất kinh doanh có mục tiêu tăng trưởng xanh; ii) Cải thiện chất lượng dịch vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tăng trưởng tín dụng xanh, quan tâm tài trợ các dự án, phương án sản xuất kinh doanh thực hiện tăng trưởng xanh; iii) Tập trung ưu tiên cấp tín dụng xanh cho các ngành kinh tế thực hiện bảo tồn, phát triển và sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; sử dụng các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; sử dụng công nghệ, thiết bị thân thiện với môi trường, sản xuất những sản phẩm thân thiện với môi trường. Do đó, các tổ chức tín dụng chưa đầu tư phát triển sản phẩm tín dụng xanh đáp ứng yêu cầu cần tăng trưởng xanh ở nước ta hiện nay. Việc không quy định về sản phẩm tín dụng xanh là rào cản rất lớn đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu vốn phục vụ cho tăng trưởng xanh.

Thứ ba, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đã có quy định về tín dụng xanh. Theo đó, tín dụng xanh là tín dụng được cấp cho 7 (bảy) dự án đầu tư: i) sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; ii) Ứng phó với biến đổi khí hậu; iii) Quản lý chất thải; iv) Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường; v) Phục hồi hệ sinh thái tự nhiên; vi) Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; vii) Tạo ra lợi ích khác về môi trường^[16]. Ngoài quy định về dự án được cấp tín dụng xanh, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 còn “lấn sân” khi quy định hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam đối với dự án đầu tư phải phù hợp với quy định về quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cho vay theo hướng dẫn của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước^[17]. Từ quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đã dẫn đến sự không thống nhất trong khuôn khổ pháp luật về tín dụng xanh với quy định về cấp tín dụng của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi năm 2017 và hiện nay là Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

4. Kết luận và kiến nghị

Lý luận và thực tiễn cũng như vai trò của hoạt động tín dụng cho thấy, nguồn vốn tín dụng có tác dụng thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và do đó, nguồn vốn tín dụng có tác động trực tiếp đến môi trường. Do vậy, để nguồn vốn tín dụng phục vụ tốt cho các mục tiêu phát triển kinh tế xanh thì việc ban hành hướng dẫn tiêu chí bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế xanh là rất cần thiết. Đây chính là cơ sở để tín dụng xanh phát triển. Với quy định về cho vay hiện hành, có thể suy luận rằng tổ chức tín dụng có thể cho bất kỳ khách hàng nào có nhu cầu vay vốn nếu không rơi vào những trường hợp vốn không được cho vay và đương nhiên phải tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, khái niệm pháp luật về bảo vệ môi trường là rất rộng và cần phải được quy định cụ thể

trong pháp luật về cấp tín dụng. Về nguyên tắc, việc tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường phải được áp dụng cho mọi quan hệ vay vốn, song cần cân nhắc tới:

- Những trường hợp bắt buộc phải tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường khi cho vay, trong đó nên tập trung vào quy mô khoản vay và tính chất, quy mô của dự án có tác động đến môi trường;
- Những trường hợp không bắt buộc phải tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường. Những khoản vay này thường có quy mô vốn nhỏ, có ít tác động đến môi trường hoặc cho vay tiêu dùng.
- Các tiêu chuẩn, điều kiện cấp tín dụng xanh đối với các doanh nghiệp đã từng gây ô nhiễm môi trường nặng và khả năng sử dụng công cụ tài chính xanh để cải thiện hoạt động sản xuất theo tiêu chí xanh^[18]. Yêu cầu này cần được xem xét cân trọng trong việc xây dựng các quy định về tín dụng xanh tại Việt Nam, bởi lẽ, so với các nước, Việt Nam đang trong giai đoạn đầu của việc chuyển đổi kinh tế xanh, lấy phát triển “công nghiệp sinh thái” bằng cách giảm thiểu phát thải trong hoạt động công nghiệp đến môi trường sinh thái cũng như đối với xã hội là nhiệm vụ trọng tâm.

Bên cạnh đó, cụ thể hóa tiêu chí xanh trong từng nghiệp vụ cấp tín dụng cũng cần phải được quy định rõ, bên cạnh tiêu chí tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường. Theo quy định về cấp tín dụng hiện hành thì chỉ có nghiệp vụ cho vay có quy định nguyên tắc cho vay phải “*phù hợp với quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan bao gồm cả pháp luật về bảo vệ môi trường*”^[19]. Mặt khác, Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2024 bổ sung thêm hình thức cấp tín dụng Phát hành thẻ tín dụng và thư tín dụng bên cạnh các nghiệp vụ cấp tín dụng đã được quy định trong Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi 2017 là: cho vay; chiết khấu, tái chiết khấu; bảo lãnh ngân hàng; bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế đối với các ngân hàng được phép thực hiện thanh toán quốc tế. Ngoài ra, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 cũng cho phép Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định hình thức cấp tín dụng khác.

Tài liệu tham khảo

1. Alex Nicholls. 2021. “Policies, Initiatives, and Regulations Related to Sustainable Finance.” *Background paper prepared for Asian Development Outlook 2021: Financing a Green and Inclusive Recovery*.
2. Boehnert, Joanna. 2016. “The Green Economy: Reconceptualizing the Natural Commons as Natural Capital.” *Environmental Communication* 10 (4): 395–417.
3. Bộ Tài nguyên và Môi trường. 2022. *Báo cáo kỹ thuật phục vụ xây dựng quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí môi trường và việc xác*

nhận đối với dự án được cấp tín dụng xanh và phát hành trái phiếu xanh. Hà Nội.

4. Bùi Khắc Hoài Phương. 2021. “Giải pháp phát triển bền vững ngân hàng thương mại tại Việt Nam.” *Tạp chí Ngân hàng* 1: 24–33.

5. Chen, C. W., J. Zheng, T. C. Chang, et al. 2023. “Green Finance Policy and Heavy Pollution Enterprises: A Supply-Chain and Signal Transmission of Green Credit Policy for the Environment—Vietnam Perspective.” *Environment, Development and Sustainability*. <https://doi.org/10.1007/s10668-023-03967-7>.

6. David W. Pearce, ed. 1999. *Từ điển kinh tế học hiện đại*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia và Đại học Kinh tế Quốc dân.

7. Đỗ Phú Hải. 2018. “Những vấn đề lý luận về phát triển bền vững và kinh tế xanh ở Việt Nam.” *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Nghiên cứu Chính sách và Quản lý* 43: 29–39.

[1] David W. Pearce (Tổng biên tập), *Từ điển kinh tế học hiện đại*, Nxb. Chính trị quốc gia và Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, 1999, tr. 220.

[2] Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp, *Từ điển Luật học*, Nxb. Tư pháp và Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2006, tr. 765.

[3] Khoản 2 Điều 3 Thông tư 17/2022/TT-NHNN ngày 23/12/2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

[4] Boehnert, Joanna. 2016. “The Green Economy: Reconceptualizing the Natural Commons as Natural Capital.” *Environmental Communication* 10 (4): 395–417.

[5] Viên Thế Giang, Phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam nhìn từ góc độ chính sách, pháp luật, *Tạp chí Luật học* số 211, tháng 12/2017, tr.13-27.

[6] Trần Thị Nhung, Võ Dao Chi, Phát triển bền vững – Lý thuyết và nghiên cứu thực nghiệm ở Nam Bộ và Việt Nam. *Tạp chí Xã hội học* số 173 [tháng 1/2013], 11-24.

[7] Đỗ Phú Hải, Những vấn đề lý luận về phát triển bền vững và kinh tế xanh ở Việt Nam, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Nghiên cứu Chính sách và Quản lý*, tập 43/2018, tr. 29-39.

[8] Ngô Thắng Lợi, Phát triển bền vững xã hội ở Việt Nam: Lý luận, thực trạng và định hướng, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển* số 293 tháng 11/2021, tr.30-39.

[9] Alex Nicholls. (2021). *Policies, Initiatives, and Regulations Related to Sustainable Finance*. This background paper was prepared for the report Asian Development Outlook 2021: Financing a Green and Inclusive Recovery.

[10] Gao, D.; Mo, X.; Duan, K.; Li, Y. Can Green Credit Policy Promote Firms' Green Innovation? Evidence from China. *Sustainability* 2022,14,3911. <https://doi.org/10.3390/su14073911>.

[11] Bộ Tài nguyên và Môi trường, *Báo cáo kỹ thuật phục vụ xây dựng quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí môi trường và việc xác nhận đối với dự án được cấp tín dụng xanh và phát hành trái phiếu xanh*, Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường là cơ quan chủ trì nhiệm vụ. Tài liệu trong Hồ sơ thẩm định Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận đối với dự án được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh, Hà Nội, 2022, tr.1.

[12] Bùi Khắc Hoài Phương, Giải pháp phát triển bền vững ngân hàng thương mại tại Việt Nam, *Tạp chí Ngân hàng* số 1, tháng 1/2021, tr.24-33.

[13] Phan Chung Thủy, [Phát triển ngân hàng xanh nhằm tạo động lực cho phát triển bền vững ở Việt Nam](https://tapchinganhang.gov.vn), truy cập tại địa chỉ: tapchinganhang.gov.vn, ngày 15/04/2024.

[14] Khoản 1 Điều 4 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

[15] Điều 1 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

[16] Khoản 1 Điều 149 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

[17] Khoản 2, Khoản 4 Điều 149 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

[18] Chen, C.W., Zheng, J., Chang, T.C. *et al.* (2023). Green finance policy and heavy pollution enterprises: a supply-chain and signal transmission of green credit policy for the environment—Vietnam perspective. *Environment, Development and Sustainability*. <https://doi.org/10.1007/s10668-023-03967-7>

[19] Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

ThS. Võ Thị Mỹ Hương (Trường ĐHCN Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh, NCS Trường ĐH Kinh tế - Luật ĐHQG TP. Hồ Chí Minh)